

PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO NGHỊ ĐỊNH 31/2022/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ 03/2022/TT-NHNN

Kỳ số liệu báo cáo: Tháng/.....

Đơn vị tính: đồng, khách hàng

TT	Ngành, lĩnh vực	Dư nợ cho vay được HTLS tại ngày cuối tháng báo cáo	Phát sinh trong tháng báo cáo			Lũy kế từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo		
			Doanh số cho vay được HTLS	Số lượng khách hàng vay được HTLS	Số tiền đã HTLS	Doanh số cho vay được HTLS	Số lượng khách hàng vay được HTLS	Số tiền đã HTLS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Hỗ trợ lãi suất theo ngành, lĩnh vực kinh tế							
1	Theo ngành kinh tế							
1.1	Hàng không, vận tải kho bãi (H)							
1.1.1	Trong đó: Hàng không							
1.2	Du lịch (N79)							
1.3	Dịch vụ lưu trú, ăn uống (I)							
1.4	Giáo dục và đào tạo (P)							
1.5	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (A)							
1.6	Công nghiệp chế biến, chế tạo (C)							
1.7	Xuất bản phần mềm (J582)							
1.8	Lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan (J62)							
1.9	Hoạt động dịch vụ thông tin (J63)							

2	Thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ							
2.1	Nhà ở xã hội							
2.2	Nhà ở cho công nhân							
2.3	Cải tạo chung cư cũ							
II	Hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng							
1	Doanh nghiệp							
2	Hợp tác xã							
3	Hộ kinh doanh							
III	Tổng cộng (=I+II)							

Hướng dẫn lập báo cáo:

1. Đối tượng áp dụng: Các ngân hàng thương mại được thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất.

2. Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

3. Yêu cầu số liệu báo cáo:

- Trụ sở chính ngân hàng thương mại gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước thông qua hệ thống báo cáo thống kê tập trung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm:

+ Số liệu toàn hệ thống.

+ Số liệu từng chi nhánh ngân hàng thương mại trong hệ thống.

- Kiểu dữ liệu: dạng số nguyên, tối đa 20 chữ số.

4. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

5. Hướng dẫn cụ thể:

- Số liệu báo cáo không bao gồm các khoản vay phải thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

- Cột (3): Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại ngày cuối tháng báo cáo.

- Cột (4): Doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột (5): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo (tương ứng với cột 4).

- Cột (6): Số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong tháng báo cáo.

- Cột (7): Lũy kế doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo.
- Cột (8): Lũy kế số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo (tương ứng với cột 7).
- Cột (9): Lũy kế số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo.